

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI TRONG KÌ THI OLYMPIC THÁNG 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NĂM 2021

STT	Họ	Tên	Lớp	Môn Thi	Kết quả
1	Quách Trần Anh	Thư	11A05	Địa lý 11	Vàng
2	Nguyễn Hoàng	Anh	10A11	Hóa MTCT 10	Vàng
3	Phạm Trần Phương	Nghi	11A13	Hóa MTCT 11	Vàng
4	Ứng Thị Thùy	Dương	10A11	Lịch sử 10	Vàng
5	Đỗ Duy	Tân	11A06	Lý MTCT 11	Vàng
6	Phạm Mai	Duyên	11A10	Lý MTCT 11	Vàng
7	Tô Huỳnh	Hương	10A14	Ngữ văn 10	Vàng
8	Trần Kim Ngọc	Anh	10A15	Ngữ văn 10	Vàng
9	Bùi Như	Ý	10A01	Sinh học 10	Vàng
10	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	11A03	Sinh học 11	Vàng
11	Hoàng Minh	Giám	11A17	Sinh học 11	Vàng
12	Tôn Nữ Thanh	Thanh	11A15	Sinh MTCT 11	Vàng
13	Phạm Quang	Huy	10A02	Tiếng Anh 10	Vàng
9	Võ Trọng	Phát	10A02	Tiếng Anh 10	Vàng
14	Trần Quang	Khôi	11A01	Tiếng Anh 11	Vàng
15	Lê Khắc	Viện	11A10	Tiếng Anh 11	Vàng
16	Tạ Chí Thành	Danh	11A07	Tin học 11	Vàng
17	Lê Vĩnh	Khang	11A10	Toán học 11	Vàng
18	Huỳnh Tấn Bình	Minh	10A16	Toán MTCT 10	Vàng
19	Lê Minh	Hào	10A07	Vật lý 10	Vàng
20	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	10TH	Vật lý 10	Vàng
21	Lưu Hồng	Hạnh	10A13	Địa lý 10	Bạc
22	Nguyễn Thiên	Ân	11A12	Địa lý 11	Bạc
23	Nguyễn Tiến	Dũng	10A12	Hoá học 10	Bạc
24	Nguyễn Tất	Phúc	10A15	Hoá học 10	Bạc

STT	Họ	Tên	Lớp	Môn Thi	Kết quả
25	Trương Bá Tuấn	Sang	11A06	Hoá học 11	Bạc
26	Lưu Nguyễn Việt	Hoàng	10A06	Hóa MTCT 10	Bạc
27	Trần Minh	Đăng	10A12	Hóa MTCT 10	Bạc
28	Nguyễn Trương Thanh	Tâm	11A05	Lịch sử 11	Bạc
29	Huỳnh Xuân Quốc	Việt	10A10	Lý MTCT 10	Bạc
30	Vũ Kim	Oanh	10A05	Ngữ văn 10	Bạc
31	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	10TH	Sinh học 10	Bạc
32	Bùi Ngọc Thảo	My	10A01	Sinh MTCT 10	Bạc
33	Lưu Ngọc Quỳnh	Như	11A03	Tiếng Anh 11	Bạc
34	Võ Nguyễn Hoàng	Thiên	10A09	Tin học 10	Bạc
35	Huỳnh Gia	Khang	10A03	Toán học 10	Bạc
36	Lê Hoàng Minh	Huy	10A11	Toán học 10	Bạc
37	Trần Trọng	Hiếu	11A08	Toán học 11	Bạc
38	Đinh Hoàng Trúc	Tiên	11A08	Toán học 11	Bạc
39	Đỗ Đăng	Khoa	11A06	Vật lý 11	Bạc
40	Hoàng Thủy	Tiên	11A12	Vật lý 11	Bạc
41	Trần Ngọc Khánh	Vy	10A05	Địa lý 10	Đồng
42	Nguyễn Văn Vĩnh	Phát	11A04	Địa lý 11	Đồng
43	Nguyễn Ngân	Hà	10A09	Hoá học 10	Đồng
44	Trương Nguyễn Quang	Huy	11A10	Hoá học 11	Đồng
45	Đinh Thị Hồng	Nhung	11A10	Hoá học 11	Đồng
46	Đoàn Lan	Khuê	11A02	Hóa MTCT 11	Đồng
47	Mã Hoàng	Phúc	11A04	Hóa MTCT 11	Đồng
48	Nguyễn Quý	Tùng	10A02	Lịch sử 10	Đồng
49	Huỳnh Tấn	Phúc	11A06	Lịch sử 11	Đồng
50	Trần Hữu Nguyên	Sơn	10A01	Lý MTCT 10	Đồng
51	Lê Trần Thúy	Vy	11A10	Ngữ văn 11	Đồng

STT	Họ	Tên	Lớp	Môn Thi	Kết quả
52	Nguyễn Phan Đức	Huy	11A11	Ngữ văn 11	Đồng
53	Trần Đức	Huy	10A07	Sinh học 10	Đồng
54	Đoàn Văn	Cường	10A16	Sinh MTCT 10	Đồng
55	Thân Ngọc Thiên	Thảo	10A02	Tiếng Anh 10	Đồng
56	Dương Khôi	Nguyên	10A01	Tin học 10	Đồng
57	Đỗ Quang	Minh	10A13	Tin học 10	Đồng
58	Đào Việt	Hoàng	11A03	Tin học 11	Đồng
59	Lê Văn Huy	Hoàng	10A07	Toán học 10	Đồng
60	Phan Thái	Quang	10A08	Toán MTCT 10	Đồng
61	Huỳnh Thanh	Tuấn	10A08	Toán MTCT 10	Đồng
62	Trần Phạm Lan	Vy	11A07	Toán MTCT 11	Đồng
63	Đoàn Đặng Như	Hoà	11A16	Vật lý 11	Đồng
	THỐNG KÊ KẾT QUẢ	SL			
	1. HC VÀNG	21			
	2. HC BẠC	20			
	3. HC ĐỒNG	23			
	Tổng cộng:	64			